

BIỂU CƯỚC TÁC NGHIỆP ĐÓNG RÚT CONTAINER TẠI BÃI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-KVTC ngày 05/03/2025)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng:

- Container được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản tại khu đất do Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng (KVTC) quản lý và khai thác tại cảng Tân Cảng Cát Lái.
- Đơn vị chịu trách nhiệm thanh toán: Các Hãng tàu, Khách hàng thuộc thành phần kinh tế trong nước có hàng hóa xếp dỡ tại khu đất của Công ty cổ phần Kho vận Tân cảng tại cảng Tân cảng Cát Lái

2. Nguyên tắc tính giá:

- Thực hiện dịch vụ nào thì tính giá dịch vụ đó
- Các giá trong Biểu giá này đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng
- Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Thời gian làm việc:

- Ngày làm việc hành chính: các ngày trong tuần trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ tết và các ngày nghỉ theo quy định.
- Giờ làm việc hành chính: từ 07h30 đến 17h00 các ngày làm việc hành chính
- Khi có nhu cầu làm hàng và đăng ký trước: phục vụ làm hàng các ngày Thứ 7.

4. Đơn vị tính cước:

- Container 20 feet
- Container 40 feet
- Container 45 feet

II. CƯỚC TÁC NGHIỆP

1. Cước tác nghiệp container tại bãi :

Đơn vị tính: đồng/container

Stt	Phương án làm hàng	Container khô		
		20'	40'	45'
1	Đóng thủ công hàng thông thường từ xe vào container (container rỗng có sẵn tại cảng Tân cảng Cát Lái)	1.354.000	1.913.000	2.422.000
		- Chuyển container rỗng đến bãi đóng hàng		
		- Đóng hàng từ xe của khách hàng vào container		
		- Chuyển container hàng về hạ bãi chờ xuất		
2	Đóng/rút thủ công hàng IMDG từ xe vào container hoặc ngược lại (container rỗng có sẵn tại cảng Tân cảng Cát Lái)			
	Nhóm IMDG 03, 04, 08, 09 và máy móc thiết bị có bình gas thuộc nhóm IMDG 02	2.366.000	3.266.000	4.086.000
	Nhóm IMDG 05 (trừ 5.1 - UN1942), 06 (trừ 6.2) và hoá chất thuộc nhóm IMDG 02	4.713.000	6.533.000	8.160.000



Stt	Phương án làm hàng	Container khô		
		20'	40'	45'
3	Đóng/rút thủ công hàng máy móc thiết bị cũ, hàng không đồng nhất về kích thước từ xe vào container hoặc ngược lại.(container rỗng có sẵn tại cảng Tân cảng Cát Lái))	2.366.000	3.266.000	4.086.000
4	Đóng/rút thủ công hàng sắt vụn, phế liệu để rời từ xe vào container hoặc ngược lại. (container rỗng có sẵn tại cảng Tân cảng Cát Lái))	4.713.000	6.533.000	8.160.000
5	Rút và đóng một phần khối lượng hàng trong container phục vụ kiểm hoá (có xác nhận của Điều độ/KVTC)			
	Hơn 50%	1.248.000	1.745.000	2.155.000
	Từ 10% tới 50%	627.000	882.000	1.087.000
	Dưới 10%	261.000	360.000	435.000
	Rút mẫu với số lượng ít để kiểm hoá	Khách hàng tự thực hiện		
6	Đóng/rút sang container (rút từ container này đóng sang container khác, container rỗng có sẵn tại cảng Tân cảng Cát Lái))	2.937.000	4.111.000	5.167.000
7	Rút thủ công hàng thông thường từ container xếp lên xe khách hàng	1.584.000	2.198.000	2.745.000
		- Chuyển container hàng đến bãi rút hàng		
		- Rút hàng từ container giao lên xe của khách hàng		
		- Chuyển container rỗng về bãi rỗng tại Cảng Phú Hữu		
8	Rút ruột thủ công phục vụ dán tem hàng hoá nhập khẩu và giao lên xe khách hàng:	2.130.000	2.968.000	3.689.000
		- Nâng container từ bãi lên xe trung chuyển		
		- Chuyển bãi nội bộ		
		- Rút ruột thủ công phục vụ dán tem		
		- Xếp hàng đã dán tem lên xe của khách hàng và chuyển rỗng về bãi.		
	*Ngoài các công đoạn kể trên, nếu làm thêm công đoạn nào Cảng thu bổ sung công đoạn đó theo quy định.			
9	Rút ruột thủ công phục vụ dán tem và đóng lại vào container	1.910.000	2.652.000	3.391.000
10	Trường hợp đóng/rút hàng từ xe vào container hoặc ngược lại đối với tất cả các loại hàng có sử dụng xe nâng hàng (loại dưới 5 tấn)	102.000	155.000	211.000

Stt	Phương án làm hàng	Container khô		
		20'	40'	45'
10	Rút dưới 10% khối lượng hàng trong container để đảm bảo trọng lượng xuất tàu.	335.000	472.000	584.000
		<i>Cước đảo chuyển (nếu có) sẽ được thu bổ sung theo quy định tại Biểu giá đối nội 508/QĐ-TCg</i>		

2. Các loại khác:

- Các trường hợp có ký Hợp đồng với Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng thì tính theo giá Hợp đồng.
- Các trường hợp các dịch vụ khác không quy định tại Biểu giá này sẽ được áp dụng theo Biểu giá dịch vụ cảng biển của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ban hành kèm theo Quyết định số 508/QĐ-TCg ngày 18/02/2025.

3. Thời gian áp dụng:

Biểu giá trên áp dụng từ ngày **15/03/2025** cho đến khi có văn bản khác thay thế. 



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thanh Trường



